TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2017/HNGĐ-PT Ngày: 19-12-2017 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Trúc Phương

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn T - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLPT - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 24/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2017/QĐPT - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Tấn T, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Số nhà A, đường S, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Kim C, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Số nhà D, ấp P, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Anh Trần Tấn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Trần Tấn T trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh Trần Tấn T và chị Phan Thị Kim C có tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 28/6/2012 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND Phường H, quận BT, TPHCM. Sau đám cưới, anh chị sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng năm 2013

phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống hai bên không phù hợp. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Mỗi lần vợ chồng cự cãi với nhau thì chị C lại đưa các con về nhà mẹ ruột ở S sinh sống mà không nói cho anh T biết. Cách nay khoảng 03 năm chị C đã đưa hai con về sinh sống tại thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T và chị C đã sống ly thân hơn 03 năm. Do đó, anh T yêu cầu ly hôn chị C.

+ Về con chung: Có 02 con tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011 và Trần TA, sinh ngày 18/12/2013 (hiện hai con đang sống với chị C). Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi cháu HA, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý để con tên TA cho chị C chăm sóc nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu TA mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi cháu TA thành niên. Tại phiên tòa hôm nay, anh T trình bày: trong trường hợp, Tòa án giao cả hai con cho chị C nuôi dưỡng sau ly hôn, thì anh T cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng mỗi cháu 3.000.000đ cho đến khi hai con thành niên.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Phan Thị Kim C trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị C thống nhất theo lời trình bày của anh T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống hai bên không phù hợp, anh T ít quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi sớm về muộn, nhiều khi anh T đi 2, 3 ngày mới về nhà. Ngoài ra, anh T còn có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh T đánh đập và đuổi chị C ra khỏi nhà. Do đó, từ tháng 3/2015 chị C mới đưa hai con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, giữa chị C và anh T không thể hàn gắn trở lại chung sống với nhau. Anh T yêu cầu ly hôn, chị C đồng ý.

+ Về con chung: Chị C thống nhất có 02 con tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011 và Trần TA, sinh ngày 18/12/2013 (hiện hai con đang sống với chị C). Khi ly hôn, chị C không đồng ý giao con tên HA cho anh T nuôi dưỡng. Chị C yêu cầu nuôi hai con tên HA và TA. Đồng thời, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng mỗi cháu là 3.000.000đ cho đến khi hai con thành niên.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị C thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án HNGĐ số 24/2017/HNGĐ - ST ngày 27/9/2017 của Toà án nhân dân thành phố S đã tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận anh Trần Tấn T và chị Phan Thị Kim C thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Tấn T về việc yêu cầu nuôi cháu Trần HA, sinh ngày 07/12/2011. Chị Phan Thị Kim C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung sau ly hôn tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011 và Trần TA, sinh ngày 18/12/2013. Hiện hai con đang sống với chị C.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Tấn T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Anh Trần Tấn T cấp dưỡng nuôi hai con tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011 và Trần TA, sinh ngày 18/12/2013, mỗi tháng mỗi cháu là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu HA và TA thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Tấn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị C thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Tấn T nộp 300.000 đồng dân sự sơ thẩm (về ly hôn) và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con). Số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp ngày 01/8/2017 theo biên lai thu số 13793 được khấu trừ vào án phí phải nộp. Anh T còn phải nộp thêm số tiền là 300.000đ tại chi cục thi hành án dân sự thành phố S, Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 09/10/2017 anh T có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011 do chị C chăm sóc, nuôi dưỡng con không tốt và chị C không đủ điều kiện kinh tế nuôi con chung.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Anh Trần Tấn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo được nuôi con chung tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011.

+ Chị Phan Thị Kim C vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày chị C không đồng ý giao con tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011 cho anh T nuôi dưỡng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Tấn T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Tấn T và chị Phan Thị Kim C kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài nên anh T làm đơn yêu cầu ly hôn.

[2] Về hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Tấn T và chị Phan Thị Kim C là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các đương sự không kháng cáo và Viện Kiểm sát không kháng nghị nên bản án sơ thẩm có hiệu lực về phần này.

[3] Về nuôi con chung: Xét kháng cáo của anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh trực tiếp được nuôi con chung tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011. Xét thấy, anh T và chị C trong quá trình chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 3/2015 chị C cùng với cháu HA và TA về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của chị C tại xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian này cả hai cháu đều được chị C chăm sóc và cho đi học. Hiện nay, cháu HA đang học lớp 1 tại trường Tiểu học MP, thành phố S, cháu được sự chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cũng thừa nhận cháu HA được chăm sóc nuôi dưỡng về sức khỏe và học tập đều bình thường. Ngoài ra, chị C sống chung với cha mẹ nhưng không phụ thuộc vào kinh tế của gia đình, chị C có thu nhập thực tế ổn định từ 8 đến 10 triệu đồng/tháng đủ điều kiện kinh tế để nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần không thay đổi hoàn cảnh sống của cháu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T giao cháu Trần HA cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử là giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Tấn T. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ để chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Do anh Trần Tấn T không được chấp nhận kháng cáo nên anh T phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Tấn T.

- Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 24/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

1. Về hôn nhân: Công nhận anh Trần Tấn T và chị Phan Thị Kim C thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Tấn T về việc yêu cầu nuôi cháu Trần H, sinh ngày 07/12/2011. Chị Phan Thị Kim C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung sau ly hôn tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011 và Trần TA, sinh ngày 18/12/2013. Hiện hai cháu đang sống với chị C.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Tấn T về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng mỗi cháu là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Anh Trần Tấn T cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Trần HA, sinh ngày 07/12/2011 và Trần TA, sinh ngày 18/12/2013, mỗi tháng mỗi cháu là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần Tấn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị C thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Tấn T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con). Số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp ngày 01/8/2017 theo biên lai thu số 13793 được khấu trừ vào án phí phải nộp. Anh T còn phải nộp thêm số tiền là 300.000đ tại chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Trần Tấn T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 01141 ngày 12/10/2017 là 300.000đ tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Anh T không phải nộp thêm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- TAND thành phố S;
- C Cục THA DS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA, VT, TDS (Thương).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh